**ÔN TẬP CẤU TRÚC TẾ BÀO**

**Câu 1**: Ở ruột non, các axit amin đi từ dịch ruột vào tế bào lông ruột chủ yếu theo con đường

 A. khuếch tán trực tiếp        B. khuếch tán gián tiếp C. hoạt tải                  D. nhập bào

**Câu 2**: Khung xương tế bào không có đặc điểm nào sau đây?

 A. Gồm các thành phần: vi ống, vi sợi, sợi trung gian B. Tạo hình dạng xác định cho tế bào động vật

 C. Giúp tế bào di chuyển D. Bảo vệ tế bào và các cơ quan

**Câu 3**: Điều kiện để xảy ra cơ chế vận chuyển thụ động có tính chọn lọc là:

 A. Có ATP, kênh protein vận chuyển đặc hiệu

 B. Kích thước của chất vận chuyển nhỏ hơn đường kính của lỗ màng, có sự chênh lệch nồng độ.

 C. Kích thước của chất vận chuyển nhỏ hơn đường kính lỗ màng, có phân tử protein đặc hiệu

 D. Có sự thẩm thấu hoặc khuếch tán

**Câu 4**: Trình tự di chuyển của protein từ nơi được tạo ra đến khi tiết ra ngoài tế bào là:

 A. Lưới nội chất hạt → bộ máy Gôngi → màng sinh chất

 B. Lưới nội chất trơn → lưới nội chất hạt → màng sinh chất

 C. Bộ máy Gôngi → lưới nội chất trơn → màng sinh chất

 D. Lưới nội chất hạt → riboxom → màng sinh chất

**Câu 5**: Đặc điểm chỉ có ở ti thể mà không có ở lục lạp là

 A. Làm nhiệm vụ chuyển hóa năng lượng B. Có ADN dạng vòng và riboxom

 C. Màng trong gấp khúc tạo nên các mào D. Được sinh ra bằng hình thức phân đôi

**Câu 6**: Lục lạp và ti thể là 2 loại bào quan có khả năng tự tổng hợp protein cho riêng mình. Vì lí do nào sau đây mà chúng có khả năng này?

 A. Đều có màng kép và riboxom B. Đều có ADN dạng vòng và riboxom

 C. Đều tổng hợp được ATP D. Đều có hệ enzim chuyển hóa năng lượng

**Câu 7**: Khi hàm lượng colesteron trong máu vượt quá mức cho phép, người ta dễ bị các bệnh về tim mạch. Colesteron được tổng hợp ở

 A. Lizoxom B. Bộ máy Gôngi C. Lưới nội chất hạt D. Lưới nội chất trơn

**Câu 8**: Đặc điểm chỉ có ở lưới nội chất hạt mà không có wor lưới nội chất trơn là

 A. Có đính các hạt riboxom B. Nằm ở gần màng tế bào

 C. Có khả năng phân giải chất độc D. Có chứa enzim tổng hợp lipit

**Câu 9**: Điều nào dưới đây **không** phải là chức năng của bộ máy Gôngi?

 A. Gắn thêm đường vào phân tử protein B. Tổng hợp lipit

 C. Tổng hợp một số hoocmon và bao gói các sản phẩm tiết D. Tổng hợp nên các phân tử pôlisaccarit

**Câu 10**: Nếu màng của lizoxom bị vỡ thì hậu quả sẽ là

 A. Tế bào mất khả năng phân giải các chất độc hại B. Tế bào bị chết do tích lũy nhiều chất độc

 C. Hệ enzim của lizoxom sẽ bị mất hoạt tính D. Tế bào bị hệ enzim của lizoxom phân hủy

**Câu 11**: Ở tế bào cánh hoa, nhiệm vụ chính của không bào là

 A. Chứa sắc tố B. Chứa nước và chất dinh dưỡng C. Chứa giao tử D. Chứa muối khoáng

**Câu 12**: Hệ miễn dịch của cơ thể chỉ tấn công tiêu diệt các tế bào lạ mà không tấn công các tế bào của cơ thể mình. Để nhận biết nhau, các tế bào trong cơ thể dựa vào

 A. Màu sắc của tế bào B. Hình dạng và kích thước của tế bào

 C. Các dấu chuẩn “glicoprotein” có trên màng tế bào D. Trạng thái hoạt động của tế bào

**Câu 13**: Có các nhận định sau về lục lạp và ti thể. Nhận định nào là **không** đúng?

 A. Lục lạp cung cấp nguyên liệu (glucozo) cho quá trình hô hấp tế bào

 B. Ti thể của tế bào thực vật là nơi chuyển hóa năng lượng trong glucozo thành ATP

 C. Lục lạp là nơi chuyển hóa năng lượng ánh sáng mặt trời thành năng lượng trong ATP

 D. Chu trình Crep và chuỗi truyền electron hô hấp được thực hiện ở trong ti thể

**Câu 14**: Nhập bào là phương thức vận chuyển

 A. Nhờ sự biến dạng của màng tế bào B. Nhờ sự biến dạng của màng tế bào và tiêu tốn ATP

 C. Nhờ kênh protein đặc biệt xuyên màng D. Nhờ hình thành các không bào tiêu hóa

**Câu 15**: Mô tả nào sau đây về riboxom là đúng?

 A. Là thể hình cầu được cấu tạo từ rARN và protein đặc hiệu

 B. Gồm hai tiểu phần hình cầu lớn và bé kết hợp lại, mỗi tiểu phần được hình thành từ sự kết hợp giữa rARN và các protein đặc hiệu

 C. Gồm hai tiểu phần hình cầu kết hợp lại

 D. Riboxom là một túi hình cầu, bên trong chứa các enzim thủy phân

**Câu 16**: Ở ống thận, nồng độ glucozo trong nước tiểu thấp hơn trong máu nhưng glucozo trong nước tiểu vẫn được thu hồi trở về máu. Phương thức vận chuyển được sử dụng ở đây là

 A. Khuếch tán B. Thẩm thấu C. Xuất bào D. Vận chuyển chủ động

**Câu 17**: Khi xào rau, nếu cho muối lúc rau chưa chín thì thường làm cho các cọng rau bị teo tóp và rất dai. Nguyên nhân là vì

 A. Nước trong tế bào thoát ra ngoài do có sự chênh lệch nồng độ muối trong và ngoài tế bào

 B. Đã làm tăng nhiệt độ sôi dẫn tới rau bị tao lại

 C. Muối đã phá vỡ các tế bào rau nên mỗi cọng rau chỉ còn các sợi xenlulozo

 D. Cho muối làm giảm nhiệt độ sôi nên rau không chín mà bị teo tóp lại

**Câu 18**: Rau đang bị héo, nếu chúng ta tưới nước vào rau thì sẽ có thể làm cho rau tươi trở lại. nguyên nhân là vì

 A. Được tưới nước nên các tế bào rau đã sống trở lại

 B. Nước thẩm thấy vào tế bào làm cho tế bào trương lên

 C. Nước đã làm mát các tế bào rau nên các cọng rau đều xanh tươi trở lại

 D. Có nước làm cho rau tiến hành quang hợp nên đã xạnh tươi trở lại

**Câu 19:** Nếu ăn quá nhiều prôtêin (chất đạm), cơ thể có thể mắc bệnh gì sau đây?

**A.** Bệnh mỡ máu. **B.** Bệnh gút. **C.** Bệnh đau dạ dày. **D.** Bệnh tiểu đường.

**Câu 20**: Cho các ý sau:

(1) Vùng nhân không có màng bao bọc (2) Có ADN dạng vòng

(3) Có màng nhân (4) Có hệ thống nội màng

Trong các ý trên có những ý nào là đặc điểm chỉ có ở tế bào nhân sơ?

 A. (1), (2)         B. (2), (3)           C. (3), (4)            D. (1), (3), (4)

**Câu 21:** Cho các phương thức vận chuyển các chất sau:

(1). Khuếch tán trực tiếp qua kép photpholipit.

(2). Khuếch tán qua kênh prôtêin xuyên màng.

(3). Nhờ sự biến dạng của màng tế bào.

(4). Nhờ kênh prôtêin đặc hiệu và tiêu hao ATP.

Trong các phương thức trên, có mấy phương thức để đưa các chất tan vào trong tế bào?

**A.** 4. **B.** 2. **C.** 1. **D.** 3.

**Câu 22:** Cho một số hoạt động sau:

1. Tổng hợp prôtêin.
2. Tế bào thận vận chuyển chủ động urê và glucôzơ qua màng.
3. Tim co bóp đẩy máu chảy vào động mạch.
4. Vận động viên đang nâng quả tạ.
5. Vận chuyển nước qua màng sinh chất.

Trong các hoạt động trên, có bao nhiêu hoạt động tiêu tốn năng lượng ATP?

**A.** 5. **B.** 4. **C.** 3. **D.** 2.

**Câu 23:** Cho các nhận định sau:

1. Tinh bột là chất dự trữ trong cây.
2. Glicôgen là chất dự trữ trong cơ thể động vật và nấm.
3. Glucôzơ là nguyên liệu chủ yếu cho hô hấp tế bào.
4. Saccarôzơ là loại đường vận chuyển trong cây.
5. Pentôzơ là loại đường tham gia vào cấu tạo ADN và ARN.

Trong các nhận định trên có bao nhiêu nhận định đúng về vai trò của cacbohiđrat trong tế bào và cơ thể?

**A.** 3 B.4. **C.** 2. **D.** 5.

**Câu 24:** Gen phải có chiều dài  bao nhiêu µm mới đủ chức thông tin di truyền tổng hợp một mARN có U = 213 ribonu, chiếm 20% so với tổng ribonu của mARN?

 A. 0,7242µm               B. 0,2631µm               C. 0,18105 µm                                    D. 0,39465µm

**Câu 25**: Một gen ở vi khuẩn E. coli có 2300 nuclêôtit và có số nuclêôtit loại X chiếm 22% tổng số nuclêôtit của gen. Số nuclêôtit loại T của gen là
 A. 480 B. 322 C. 644 D. 506
**Câu 26:** Một gen có chiều dài 510 nm và trên mạch một của gen có A + T = 600 nuclêôtit. Số nuclêôtit mỗi loại của gen trên là
 A. A = T = 1200; G = X = 300. B. A = T = 600; G = X = 900.
 C. A = T = 300; G = X = 1200. D. A = T = 900; G = X = 600.
**Câu 27**: Một gen của sinh vật nhân sơ có guanin chiếm 20% tổng số nuclêôtit của gen. Trên một mạch của gen này có 150 ađênin và 120 timin. Số liên kết hiđrô của gen là
 A. 1120. B. 1080. C. 990. D. 1020.

**Câu 28:** Một phân tử mARN có tỉ lệ giữa các loại ribonu A = 2U = 3G = 4X. Tỉ lệ % mỗi loại ribonu A, U, G, X lần lượt là:

 A.10%; 20%; 30%; 40%         B. 48%; 24%; 16%; 12%

 C. 48%; 16%; 24%; 12%         D. 40%; 30%; 20%;10%

**Câu 29:** Một phân tử mARN có hiệu số  giữa G và A bằng 5%, giữa X và U bằng 15% số ribonu của mạch. Tỉ lệ % nu của gen tổng hợp nên mARN trên:

 A. A = T = 35%; G=X= 15%   B. A=T=15%; G=X= 35%

 C. A=T= 30%; G =X = 15%     D. A=T=20%; G=X=30%

**Câu 30:** Một gen dài 425 nm và có tổng số nuclêôtit loại A và nuclêôtit loại T chiếm 40% tổng sốnuclêôtit của gen. Mạch 1 của gen có 220 nuclêôtit loại T và số nuclêôtit loại X chiếm 20% tổng số nuclêôtit của mạch. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Mạch 1 của gen có G/X = 2/3.

1. Mạch 2 của gen có (A + X)/(T + G) = 53/72.

III. Mạch 2 của gen có G/T = 25/28.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| IV. Mạch 2 của gen có 20% số nuclêôtit loại X. |  |  |
| **A.** 4. | **B.** 3. | **C.** 1. | **D.** 2. |

………………………Hết……………………